

Số: 041115 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15493.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : NƯỚC DỪA TƯƠI - NHÃN HIỆU COCOFRESH
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-NGK-22
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 330 mL
Ngày nhận mẫu : 06/10/2021
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	<i>Streptococci faecal</i>	HD.PP.07.02/TT.VS:2020 [Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)] (a)	< 1 CFU /mL	08/10/2021
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	HD.PP.01.01/TT.VS (AOAC 966.23) (b) (d)	< 1 CFU /mL	08/10/2021
3	Coliforms	HD.PP.02.07/TT.VS (TCVN 6848:2007) (ISO 4832:2006) (b) (d)	< 1 CFU /mL	08/10/2021
4	<i>Escherichia coli</i>	HD.PP.02.04/TT.VS (AOAC 991.14, TCVN 9975:2013) (b) (d)	< 1 CFU /mL	08/10/2021
5	<i>Clostridium perfringens</i>	HD.PP.05.01/TT.VS (AOAC 976.30) (b) (d)	< 1 CFU /mL	08/10/2021
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	HD.PP.03.02/TT.VS (AOAC 975.55) (b) (d)	< 1 CFU /mL	08/10/2021
7	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	HD.PP.08.01/TT.VS (Modify 3347/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d)	< 1 CFU /mL	08/10/2021
8	Định lượng nấm men và nấm mốc	HD.PP.32.2/TT.VS (TCVN 8275-1:2010) (ISO 21527-1:2008) (b) (d)	< 1 CFU /mL	08/10/2021

Mã số mẫu: 15493.21

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày15-10-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts NGUYỄN ĐỨC THỊNH

Số: 041116 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15494.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : NƯỚC DỪA TƯƠI - NHÃN HIỆU COCOFRESH
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-NGK-22
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 330 mL
Ngày nhận mẫu : 06/10/2021
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/L	12/10/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày15-10-2021

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts NGUYỄN ĐỨC THỊNH

Số: 041117 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15495.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : NƯỚC DỪA TƯƠI - NHÃN HIỆU COCOFRESH
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-NGK-22
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 330 mL
Ngày nhận mẫu : 06/10/2021
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Patulin	HD.PP.31/TT.SK:2019 (Ref. UCT 6103-03-01, 2014 & Ref. Food Analytical Methods, 2019, Vol 12, Issue 1, pp 76-93) (d)	Không phát hiện MLOD = 2 µg/L	13/10/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày15-10-2021.

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts NGUYỄN ĐỨC THỊNH

Số: 041113 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 15496.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : NƯỚC DỪA TƯƠI - NHÃN HIỆU COCOFRESH
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-NGK-22
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 hộp x 330 mL
Ngày nhận mẫu : 06/10/2021
Người gửi mẫu : Phan Ngọc Mỹ Hòa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Acetamiprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
2	Azoxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
3	Boscalid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/10/2021
4	Chlorantraniliprole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
5	Cyflumetofen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	07/10/2021
6	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	07/10/2021
7	Difenoconazol	Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	07/10/2021
8	Emamectin benzoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	07/10/2021
9	Etoxazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
10	Flubendiamide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
11	Fluopyram	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Hexythiazox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/10/2021
13	Methyl bromide	HD.PP.154/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	12/10/2021
14	Penthiopyrad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
15	Phosmet	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
16	Pyrethrins	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,025 mg/kg	07/10/2021
17	Saflufenacil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
18	Spinetoram	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
19	Spirodiclofen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	07/10/2021
20	Spirotetramate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	07/10/2021
21	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
22	2,4-D (Dichlorophenoxy)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
23	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
24	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
25	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/10/2021
26	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
27	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	09/10/2021
28	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/10/2021
29	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
30	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	11/10/2021
31	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
32	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
33	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
34	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
35	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/10/2021
36	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
37	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	07/10/2021

Mã số mẫu: 15496.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	07/10/2021
39	Carbaryl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/10/2021
40	Cyhalothrin (bao gồm Lambda-Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/10/2021
41	Fenpropathrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	07/10/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **15 -10- 2021**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts NGUYỄN ĐỨC THỊNH



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00111510	
Mã số kết quả :	AR-21-VD-116766-01-VI / EUVNHC-00153495	

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7 TP. Hồ Chí Minh Việt Nam
--

Tên mẫu :	Nước dừa tươi - Cocofresh (Ký hiệu V-NGK-22)
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	07/12/2021
Thời gian thử nghiệm :	07/12/2021 - 10/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	10/12/2021
Mã số PO của khách hàng :	Q4EX211206040

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDMPI VD Sulfuryl fluoride	mg/ kg	AOAC 975.08 Mod	Không phát hiện (LOD=0.05)
2	VD19F VD (a) Hydrogen phosphide (PH ₃)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5205 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên  Nguyễn Thị Phượng Vi Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích	 Lý Hoàng Hải Tổng Giám Đốc
--	--

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vi 13/12/2021

Ghi chú giải thích Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
